

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/DS-ST

Ngày: 24/3/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mây;
2. Ông Nguyễn Văn Tiên .

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/QĐHPTST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm:1988 - Vắng mặt.

Cư trú: 1605 QL1A, tổ B, khu phố C, phường D, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Đ diện ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm: 1971.(Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2020 tại Văn Phòng Công Chứng Nhà Rông). – Có đơn xin vắng mặt.

Cư trú: 725/28 TC, Phường E, quận F, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1969 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 115/19, tổ B5, khu phố G, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quốc T, sinh năm:1983 – Có đơn xin vắng mặt.

Cư trú: 1605 QL1A, tổ B, khu phố C, phường D, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng: Bà Phạm Thị Hồng Liên, sinh năm: 1992 - Có đơn xin vắng mặt.

Cư trú: 141/42/10 TL19, khu phố I, phường K, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2020 và trong các bản tự khai,biên bản hòa giải tại Tòa án,Đ diện ủy quyền Nguyên đơn – ông Nguyễn Trọng Đ trình bày:

Bà Hoàng Thị T (nguyên đơn) ký 02 (Hai) hợp đồng cho vay tiền với bà Nguyễn Thị X (Bị đơn) : ngày 06/01/2020,số tiền cho vay là : 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, thời hạn vay kể từ ngày 04/01/2020 đến ngày 28/01/2020; và ngày 08/01/2020, số tiền cho vay là : 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng,thời hạn vay kể từ ngày 08/01/2020 đến ngày 08/4/2020.Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị X thanh toán số tiền còn nợ là : 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu).Việc thanh toán nợ được thực hiện 01 lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án,người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- ông Trần Quốc T trình bày:

Ông Trần Quốc T đã ly hôn với bà Hoàng Thị T theo Quyết định số:444/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2020 của Tòa án Nhân dân quận 12. Bà T cho bà Nguyễn Thị X vay số tiền là: 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng,đây là tiền riêng của cá nhân bà T và không liên quan gì đến ông T nên ông T không có ý kiến gì về việc khởi kiện giữa bà T và bà X đối với số tiền trên.Ông T không bổ sung ý kiến gì thêm và có nộp đơn xin vắng mặt tại các buổi triệu tập, hòa giải và xét xử của Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án T hành thủ tục niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án đối với bị đơn bà Nguyễn Thị X.Tuy nhiên,Tòa án nhận được bắt

kỳ văn bản nào và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hoàng Thị T.

Tòa án tiếp tục triệu tập các đương sự để tham gia về phiên hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị X liên tục vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án không T hành hòa giải được nên vụ án đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 02/3/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại các điều 227 và 233 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 24/3/2021, bị đơn - bà Nguyễn Thị X vắng mặt (lần 2) không có lý do.

Tại bản cam kết và các biên bản hòa giải tại Tòa án, Người làm chứng - bà Phạm Thị Hồng Liên có đơn xin vắng mặt, lý do mới sinh con và trình bày:

Bà Phạm Thị Hồng Liên có làm chứng cho việc bà Hoàng Thị T cho bà Nguyễn Thị X vay tiền như sau: Ngày 06/01/2020, bà T đưa số tiền: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng cho bà X; Ngày 08/01/2020, bà T đưa số tiền: 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng cho bà X và cả 02 lần vay tiền này bà T đưa tiền cho bà X tại nhà có địa chỉ: 1605 QL1A, khu phố C, phường D, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phạm Thị Hồng Liên có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 12 thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc xét xử vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và Người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn liên tục vắng mặt không có lý do và không ý kiến gì về việc khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày 24/3/2021, Nguyên đơn-Đ diện ủy quyền là ông Nguyễn Trọng Đ, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quốc T và Người làm chứng là bà Phạm Thị Hồng Liên có đơn xin vắng mặt, Bị đơn bà Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên tòa xét xử mà không có lý do (lần 2) nên Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa bà Hoàng Thị T với bà Nguyễn Thị X là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bà Nguyễn Thị X đang cư trú, sinh sống tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào các điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của đương sự; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, có đủ cơ sở xác định:

Bà Hoàng Thị T (nguyên đơn) ký 02 (Hai) hợp đồng cho vay tiền với bà Nguyễn Thị X (Bị đơn) : ngày 06/01/2020, số tiền cho vay là : 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, thời hạn vay kể từ ngày 04/01/2020 đến ngày 28/01/2020; và ngày 08/01/2020, số tiền cho vay là : 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, thời hạn vay kể từ ngày 08/01/2020 đến ngày 08/4/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị X thanh toán số tiền còn nợ là : 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Việc thanh toán nợ được thực hiện 01 lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại các Điều 388;389 và 401 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì: Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự. Hợp đồng dân sự có thể được giao kết bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể khi pháp luật không quy định loại hợp đồng đó phải được giao kết bằng một hình thức nhất định.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xác định: nguyên đơn và bị đơn có chữ ký họ và tên để xác nhận 02 (Hai) Hợp đồng cho cá nhân vay tiền (viết tắt: Hợp đồng) với tổng số tiền vay là: 400.000.000(Bốn trăm triệu) đồng, đồng thời trong các Hợp đồng này có chữ ký của bà Phạm Thị Hồng Liên ký nhận là người làm chứng, vậy đây là hợp đồng dân sự được giao kết giữa bà Hoàng Thị T và bà Nguyễn Thị X.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không thanh toán bất kỳ đồng nào cho nguyên đơn, mặc dù nguyên đơn đã có thông báo yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ đã vay vào ngày 04/6/2020. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền trên đã vay nguyên đơn. Vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại các Điều 351;357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày 02/3/2021, bị đơn- bà Nguyễn Thị X vắng mặt không có lý do nên Tòa án không có lời trình bày của bị đơn cũng như trong quá trình hòa giải của Tòa án, bị đơn không cung cấp được bất kỳ giấy tờ tài liệu gì để chứng minh cho số tiền nợ vay mà nguyên đơn là bà Hoàng Thị T khởi kiện. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử vắng mặt các Bị đơn.

Xét thấy, căn cứ vào các Điều 351;357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn nên yêu cầu trên của nguyên đơn- bà Hoàng Thị T đối với bị đơn - bà Nguyễn Thị X là có căn cứ và hợp pháp nên được chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 351;357;385;404;463;466 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Hoàng Thị T.

Buộc bị đơn –bà Nguyễn Thị X thanh toán cho nguyên đơn – bà Hoàng Thị T số tiền nợ là: 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng và thanh toán 01 lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tại cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị X phải chịu nộp là: 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 10.000.000 (Mười triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0108947 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 12, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 12, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Diễm